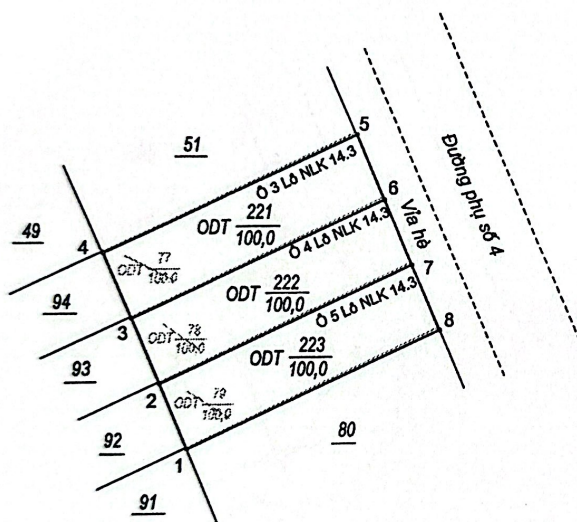


Số: 2799/TLBĐ

8. Toa độ đỉnh thừa, kích thước cạnh:

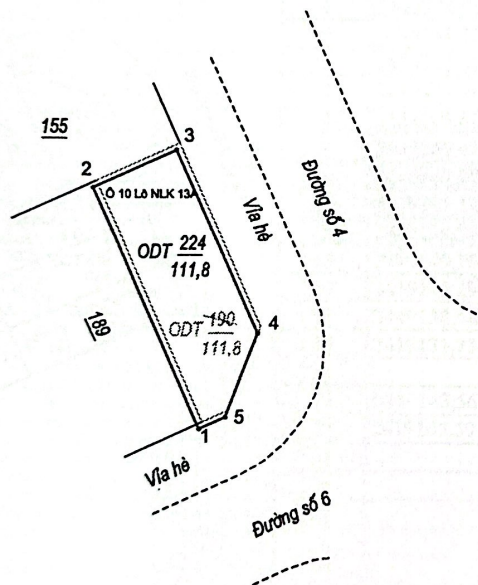
[illegible]

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tạ Quốc Vinh

Số: 2800 /TLBĐ

8. Tọa độ đỉnh thừa, kích thước cạnh:

[illegible]

PHÓ GIÁM ĐỐC

HP



Tạ Quốc Vinh

Số: 2802/TLBĐ

- ### 8. Toa độ đỉnh thừa, kích thước cạnh



Tà Quốc Vinh

Ta Quốc Vinh

Số: 2795/TLBĐ

8. Tọa độ đỉnh thừa, kích thước cạnh:



Tạ Quốc Vinh

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

(Có đo đạc chính lý)

Số: 2796/TLBĐ

1. Thửa đất số: 342, 343, 344, 345, 346, 347

Tờ bản đồ: 330 (tờ 11 phường Hoàng Văn Thụ trước khi sắp xếp) Phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn

2. Tổng diện tích: 527,2 m²; Loại đất: ODT; Tài liệu đo đạc: Bản đồ địa chính được

Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) duyệt ngày 17/10/2020

3. Tên người sử dụng đất, người quản lý đất:

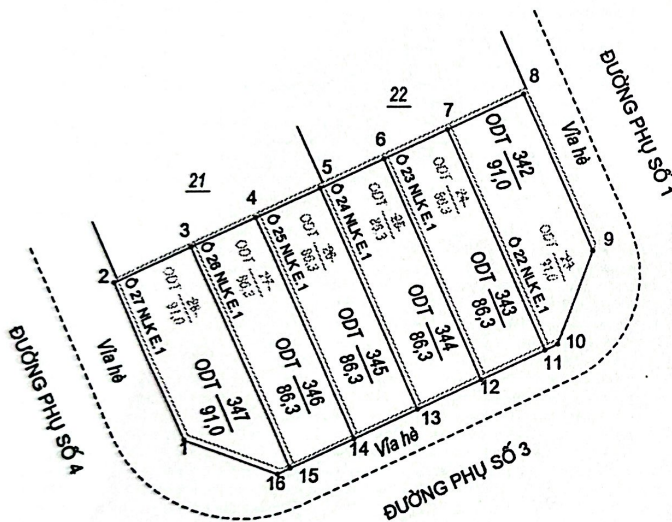
4. Giấy chứng nhận: Chưa cấp Giấy chứng nhận

5. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất (nếu có):

6. Các thông tin khác cần trích lục:

7. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:

8. Tọa độ đỉnh thửa, kích thước cạnh:



Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước cạnh (m)
Đỉnh	X (m)	Y (m)	
1	2418967.09	449378.34	12,25
2	2418978.28	449373.36	6,00
3	2418980.72	449378.84	5,00
4	2418982.75	449383.41	5,00
5	2418984.78	449387.98	5,00
6	2418986.82	449392.55	5,00
7	2418988.85	449397.12	6,00
8	2418991.28	449402.60	12,25
9	2418980.09	449407.58	7,07
10	2418973.49	449405.04	1,00
11	2418973.08	449404.12	5,00
12	2418971.05	449399.56	5,00
13	2418969.02	449394.99	5,00
14	2418966.99	449390.42	5,00
15	2418964.96	449385.85	1,00
16	2418964.55	449384.94	7,07
1			
3			17,25
15			
4			17,25
14			
5			17,25
13			
6			17,25
12			
7			
11			17,25

NGƯỜI TRÍCH LỤC
(Công)

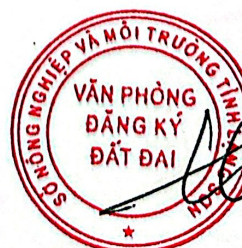
Lạng Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2026

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Signature)



Nguyễn Hữu Đức

Tạ Quốc Vinh

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

(Có đo đạc chính lý)

Số: 2804/TLBĐ

1. Thửa đất số:

Tờ bản đồ: 326 (tờ số 7 phường Hoàng Văn Thụ trước khi sắp xếp)

Phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn

2. Diện tích: 742,5 m² ; Loại đất: ODT ; Tài liệu đo đạc: Bản đồ địa chính được

Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường) duyệt ngày 17/10/2020

3. Tên người sử dụng đất, người quản lý đất:

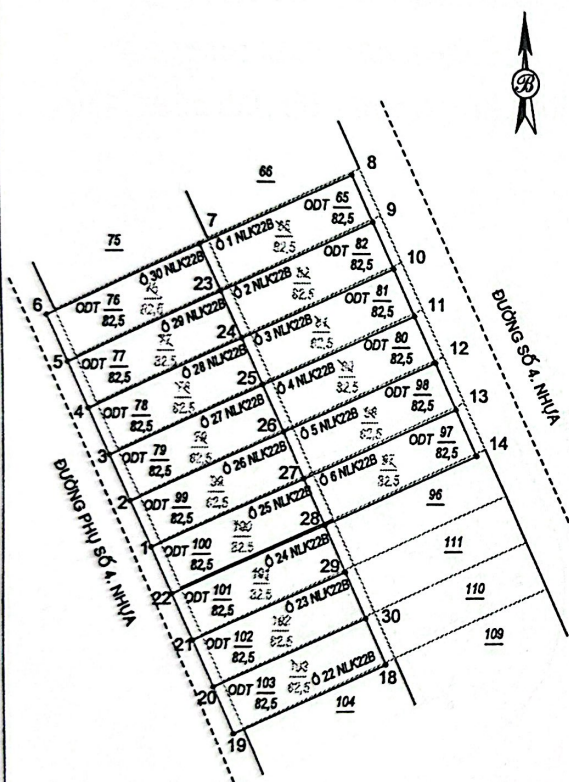
4. Giấy chứng nhận: chưa cấp Giấy chứng nhận

5. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất (nếu có):

6. Các thông tin khác cần trích lục:

7. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất

8. Tọa độ đỉnh thửa, kích thước cạnh



Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước cạnh (m)	Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước cạnh (m)
Đỉnh	X (m)	Y (m)		Đỉnh	X (m)	Y (m)	
1	2419108,94	449261,09	5,00	29			5,00
2	2419113,50	449259,05	5,00	30	2419101,94	449282,26	5,00
3	2419118,07	449257,02	5,00	18			
4	2419122,64	449254,99	5,00	23			16,50
5	2419127,21	449252,96	5,00	5			16,50
6	2419131,78	449250,93	16,50	23			16,50
7	2419138,48	449266,78	16,50	9			16,50
8	2419145,19	449281,83	5,00	24			16,50
9	2419140,62	449283,11	5,00	4			16,50
10	2419136,05	449285,14	5,00	24			16,50
11	2419131,48	449287,18	5,00	10			16,50
12	2419126,91	449289,21	5,00	25			16,50
13	2419122,34	449291,29	5,00	3			16,50
14	2419117,78	449293,27	5,00	25			16,50
18	2419097,36	449284,29	16,50	11			16,50
19	2419090,66	449269,21	5,00	26			16,50
20	2419095,23	449267,18	5,00	2			16,50
21	2419099,80	449265,15	5,00	26			16,50
22	2419104,37	449263,12	5,00	12			16,50
1	2419109,51	449261,95	5,00	27			16,50
7	2419139,07	449266,78	5,00	1			16,50
23	2419133,92	449268,04	5,00	27			16,50
23			5,00	13			16,50
24	2419129,34	449270,06	5,00	28			16,50
25	2419124,78	449272,10	5,00	22			16,50
26	2419120,20	449274,18	5,00	28			16,50
27	2419115,64	449276,16	5,00	14			16,50
28	2419111,08	449278,20	5,00				
29	2419106,50	449280,22	5,00				

NGƯỜI TRÍCH LỤC

(Công)

(Signature)

Nguyễn Hữu Đức

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2026

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



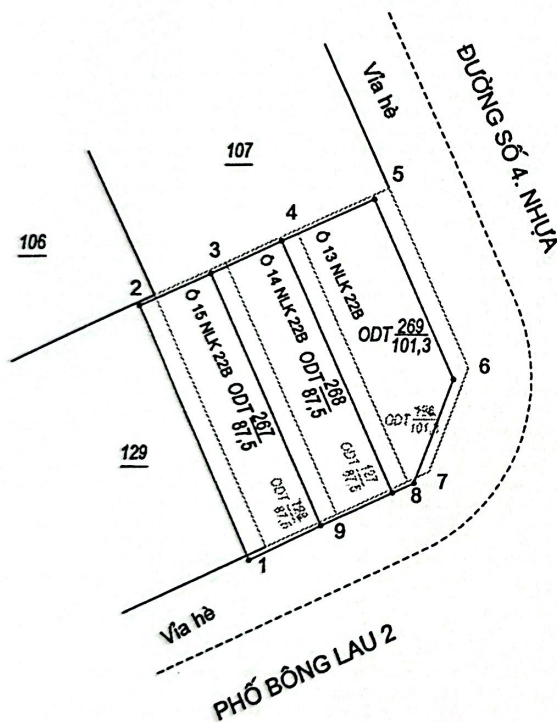
Tạ Quốc Vinh

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

(Cổ đo đặc chính lý)

Số: 2805/TLBĐ

1. Thửa đất số: 267, 268, 269 Tờ bản đồ: 326 (tờ 7 phường Hoàng Văn Thụ trước khi sắp xếp) Phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn
2. Diện tích: 276,3 m² ; Loại đất: ; Tài liệu đo đạc: Bản đồ địa chính được Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường) duyệt ngày 17/10/2020
3. Tên người sử dụng đất, người quản lý đất:
4. Giấy chứng nhận: chưa cấp Giấy chứng nhận
5. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất (nếu có):
6. Các thông tin khác cần trích lục:
7. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất
8. Tọa độ đỉnh thửa, kích thước cạnh



Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước cạnh (m)
Đỉnh	X (m)	Y (m)	
1	2419067,54	449297,44	17,50
2	2419083,66	449290,38	5,00
3	2419085,69	449294,95	5,00
4	2419087,72	449299,52	6,50
5	2419090,36	449305,46	12,50
6	2419078,94	449310,54	7,08
7	2419072,34	449308,00	1,50
8	2419071,73	449306,63	5,00
9	2419069,70	449302,06	5,00
1			
3			
9			17,50
4			
8			17,50

NGƯỜI TRÍCH LỤC
(Công)

(Signature)

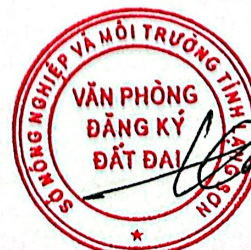
Nguyễn Hữu Đức

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2026

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Tạ Quốc Vinh

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

(Có đo đạc chính lý)

Số: 2801/TLBĐ

1. Thửa đất số: 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249

Tờ bản đồ: 326 (tờ số 7 phường Hoàng Văn Thụ trước khi sắp xếp)

Phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn

2. Diện tích: 874,0 m² ; Loại đất: ODT ; Tài liệu đo đạc: Bản đồ địa chính được

Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường) duyệt ngày 17/10/2020

3. Tên người sử dụng đất, người quản lý đất:

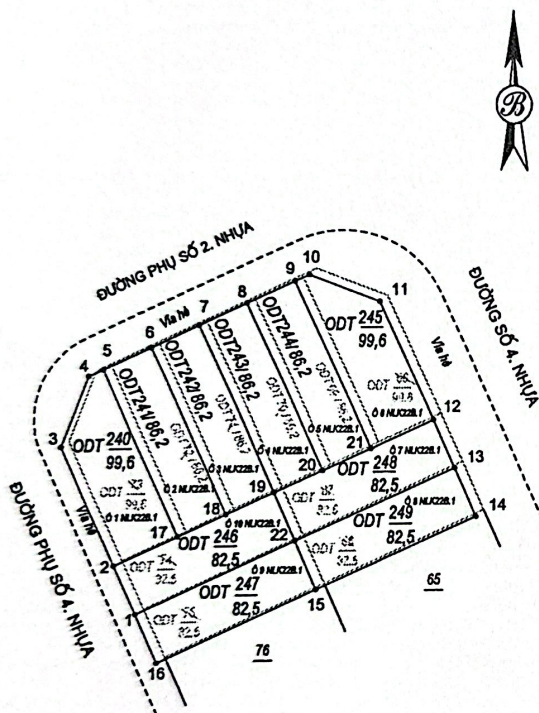
4. Giấy chứng nhận: chưa cấp Giấy chứng nhận

5. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất (nếu có):

6. Các thông tin khác cần trích lục:

7. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất

8. Tọa độ đỉnh thửa, kích thước cạnh



Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước cạnh (m)	Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước cạnh (m)
Đỉnh	X (m)	Y (m)		Đỉnh	X (m)	Y (m)	
1	2419136,35	449248,90	5,00	19			5,00
2	2419140,92	449246,86	12,25	20	2419149,65	449266,51	
3	2419152,11	449241,88	7,07	19			5,00
4	2419158,71	449244,42	1,50	22	2419143,06	449263,98	
5	2419159,32	449245,79	5,00	20			17,25
6	2419161,35	449250,36	5,00	8			
7	2419163,38	449254,93	5,00	20			5,00
8	2419165,47	449259,50	5,00	21	2419151,68	449271,08	
9	2419167,45	449264,07	1,50	21			17,25
10	2419168,05	449265,43	7,07	9			
11	2419165,51	449272,04	12,25	21			6,50
12	2419154,32	449277,02	5,00	12			
13	2419149,76	449279,05	5,00	22			16,50
14	2419145,19	449281,08	16,50	1			
15	2419138,48	449266,00	16,50	22			16,50
16	2419131,78	449250,93	5,00	13			
1			5,00	22			5,00
17	2419143,56	449252,80	5,00	15			
18	2419145,59	449257,37					
17			6,50				
2							
17			17,25				
5							
18			17,25				
6							
18			5,00				
19	2419147,62	449261,94					
19			17,25				
7							

NGƯỜI TRÍCH LỤC

(Công)

(Signature)

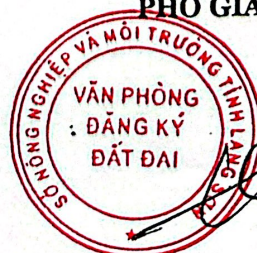
Nguyễn Hữu Đức

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 4 năm 2026

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Tạ Quốc Vinh